| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 77/2022/QĐST-HNGĐ | *Tân Phú Đông, ngày 20 tháng 5 năm 2022* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm S, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Anh Bùi Bá V, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57 và 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm S và anh Bùi Bá V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Diễm S và anh Bùi Bá V.

- Về con chung: Chị S và anh V có 02 con chung là cháu Bùi Nguyễn Bảo K, sinh ngày 29/9/2011 và cháu Bùi Nguyễn Thái B, sinh ngày 30/6/2014.

Chị S và anh V thỏa thuận, thống nhất giao cháu K và cháu B cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu B hàng tháng. Mức cấp dưỡng mỗi cháu mỗi tháng là 745.000 đồng *(Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng)*. Bắt đầu thực hiện khi quyết định này có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu K, cháu B đủ 18 tuổi, lao động được.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị S tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0008190 ngày 19/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông, nên hoàn lại cho chị S số tiền 150.000 đồng.

+ Anh V phải nộp 150.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phú Đông;
- Chi cục THADS huyện Tân Phú Đông;
- UBND xã P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Thơm**